

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY
DỰNG- THƯƠNG MẠI
VÀ HỢP TÁC LAO ĐỘNG

Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG- THƯƠNG
MẠI VÀ HỢP TÁC LAO ĐỘNG
DN: C=VN, S=THÀNH PHỐ HÀ NỘI, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN
XÂY DỰNG- THƯƠNG MẠI VÀ HỢP TÁC LAO ĐỘNG,
OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:0109043386
Reason: I am the author of this document
Location: your signing location here
Date: 2024.10.16 08:12:14
Foxit Reader Version: 9.7.1

DANH SÁCH LAO ĐỘNG TRÚNG TUYỂN THÁNG
5.2024

2						
STT No.	Họ tên/ Name	Ngày sinh/ Date of birth	Giới tính/ Gender	Số Hộ chiếu/ Passport No.	Ngành nghề/ Occupation	Thời gian dự kiến xuất cảnh/Estimated departure date
1	HUỲNH THỊ KIM HÀ	28/07/1992	Nữ/ Female	E01551374	SSW - Agriculture	03/09/2024

2						
STT No.	Họ tên/ Name	Ngày sinh/ Date of birth	Giới tính/ Gender	Số Hộ chiếu/ Passport No.	Ngành nghề/ Occupation	Thời gian dự kiến xuất cảnh/Estimated departure date
1	TRẦN THỊ THU THẢO	06/10/1993	Nữ/ Female	C1246217	SSW - Agriculture	03/09/2024

2						
STT No.	Họ tên/ Name	Ngày sinh/ Date of birth	Giới tính/ Gender	Số Hộ chiếu/ Passport No.	Ngành nghề/ Occupation	Thời gian dự kiến xuất cảnh/Estimated departure date
1	TRIỆU HUỲNH LONG ĐỨC	24/09/1989	Nam/ Male	C3711385	SSW - Construction Industry	25/06/2024

:						
STT No.	Họ và tên/ Name	Ngày sinh/ Date of birth	Giới tính/ Gender	Số Hộ chiếu/ Passport No.	Ngành nghề/ Occupation	Thời gian dự kiến xuất cảnh/Estimated departure date
1	NGUYỄN ĐỖ NGỌC THẢO	04/12/2000	Nữ/ Female	C7939403	Ready-made meal manufacturing work	30/10/2024
2	NGUYỄN LÊ KHIẾT LINH	24/06/1991	Nữ/ Female	E01858652	Ready-made meal manufacturing work	30/10/2024

:						
STT No.	Họ và tên/ Name	Ngày sinh/ Date of birth	Giới tính/ Gender	Số Hộ chiếu/ Passport No.	Ngành nghề/ Occupation	Thời gian dự kiến xuất cảnh/Estimated departure date
1	NGUYỄN ÁI LINH	03/07/2005	Nữ/ Female		Ready-made meal manufacturing work	30/10/2024
2	NGUYỄN THỊ BÌNH YÊN	27/11/2005	Nữ/ Female		Ready-made meal manufacturing work	30/10/2024

3	NGUYỄN THỊ YẾN NHI	11/12/2005	Nữ/ Female		Ready-made meal manufacturing work	30/10/2024
STT No.	Họ và tên/ Name	Ngày sinh/ Date of birth	Giới tính/ Gender	Số Hộ chiếu/ Passport No.	Ngành nghề/ Occupation	Thời gian dự kiến xuất cảnh/Estimated departure date
1	PHẠM NGỌC CHI	16/08/1994	Nam/ Male	E01620496	Cultivation agriculture	18/09/2024

STT No.	Họ và tên/ Name	Ngày sinh/ Date of birth	Giới tính/ Gender	Số Hộ chiếu/ Passport No.	Ngành nghề/ Occupation	Thời gian dự kiến xuất cảnh/Estimated departure date
1	ĐỖ QUỐC VIỆT	28/09/2003	Nam/ Male	E01657544	Ready-made meal manufacturing work	01/11/2024
2	PHẠM VĂN NINH	09/09/1981	Nam/ Male	E01939154	Ready-made meal manufacturing work	01/11/2024
3	PHAN MINH TÂM	18/12/1997	Nam/ Male	E01651774	Ready-made meal manufacturing work	01/11/2024

4	LÊ HOÁ THÔNG	31/10/2002	Nam/ Male	E01539553	Ready-made meal manufacturing work	01/11/2024
5	NGUYỄN HOÀNG LÂM	27/01/2004	Nam/ Male	E01851781	Ready-made meal manufacturing work	01/11/2024

STT No.	Họ và tên/ Name	Ngày sinh/ Date of birth	Giới tính/ Gender	Số Hộ chiếu/ Passport No.	Ngành nghề/ Occupation	Thời gian dự kiến xuất cảnh/Estimated departure date
1	ĐÀO THỊ HUỆ	12/09/2002	Nữ/ Female		Plastic molding	04/08/2024
2	HOÀNG THỊ THÙY TRANG	12/11/2003	Nữ/ Female		Plastic molding	04/08/2024
3	NGUYỄN NGỌC ÁNH	25/07/1999	Nữ/ Female		Plastic molding	04/08/2024
4	TỪ THỊ HIỀN	23/04/2001	Nữ/ Female		Plastic molding	04/08/2024